TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30.8.2017
V/v tranh chấp"*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Hà
Bà Lê Thúy Nguyệt
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Ngọc Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Xuân C, sinh năm 1986, trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.

- *Bị đơn:* Ông Phan Tái L, sinh năm 1978, trú tại: Số nhà A đường B, phường C, quận D, TP. E.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10/4/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Xuân C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phan Tái L kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận B, TP. C. Hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 7/2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được, cách sống và suy nghĩ của chúng tôi rất khác biệt và bất đồng, ông L không có trách nhiệm với gia đình vợ con, chúng tôi đã sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác định có 01 con chung: Phan Hiếu D, sinh ngày16/01/2015. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung,

yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phan Tái L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị Xuân C kết hôn 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận B, TP. C. Hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà C có đưa con về quê ngoại sống, vợ chồng chúng tôi đã ly thân với nhau. Nay bà C có đơn xin ly hôn với tôi, tôi không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, tôi cho rằng mâu thuẫn có thể giải quyết được nếu vợ chồng về chung sống với nhau, tôi mong muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác định có 01 con chung: Phan Hiếu D, sinh ngày 16/01/2015.

Nếu vợ tôi kiên quyết xin ly hôn, tôi xin được nuôi con chung, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà C nuôi con, tôi không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay công việc và thu nhập của tôi không ổn định.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án đã xác định Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử đã tuân thủ nghiêm túc các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án. Những người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự khi tham gia giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Xuân C và ông Phan Tái L kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận B, TP. C. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng 7/2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được. Theo bà C nguyên nhân do cách sống và cách suy nghĩ của vợ chồng rất khác biệt và bất đồng, ông L không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Xuân C vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông Phan Tái L do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hiện nay đã sống ly thân. Còn ông L mong muốn được đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Xét yêu cầu của bà C thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương thông cảm, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải, tại phiên tòa cũng như qua xác minh tại địa

phương, HĐXX nhận thấy bà C ông L thực sự có mâu thuẫn, hiện nay bà C, ông L đã sống ly thân. Ông L không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp để vợ chồng về đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông bà không còn chăm sóc, quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần vận dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông L là thoả đáng.

- Về quan hệ con chung: Bà C và ông L xác định có 01 người con chung: Phan Hiếu Dg, sinh ngày 16/01/2015. Ly hôn, bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, còn ông L trong trường hợp ly hôn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái song việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ. Cháu Phan Hiếu D, sinh ngày 16/01/2015 đang sống cùng với mẹ là bà Lê Thị Xuân C. Hiện nay, cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật, trẻ dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

Do vậy, cần giao con chung Phan Hiếu D, sinh ngày 16/01/2015 cho bà Lê Thị Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và đúng pháp luật. Về cấp dưỡng, ông L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mặc dù có công việc và có thu nhập nên cần buộc ông L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu vào tháng 9 năm 2017, cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của mỗi tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông L xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

[3] Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ bà Lê Thị Xuân C phải chịu.

[4] Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ ông Phan Tái L phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Lê Thị Xuân C đối với ông Phan Tái L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 142/2014, quyển số I/2014 của UBND phường A, quận B, TP. C cấp cho bà Lê Thị Xuân C đối với ông Phan Tái L không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Phan Hiếu D, sinh ngày 16/01/2015 cho bà Lê Thị Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu vào tháng 9 năm 2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, vào ngày cuối cùng mỗi tháng.

Kể từ ngày bên thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông L xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Lê Thị Xuân C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà C đã nộp tại biên lai thu số 3365 ngày 26.4.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà C đã nộp đủ án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Phan Tái L phải chịu.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Viện KSND quận Thanh Khê;*
- *UBND phường A;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Cúc